



KĨ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA HỌC VIÊN CAO HỌC CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC TRONG VIỆC THỰC HIỆN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

MỸ GIANG SƠN

Trường Đại học Sài Gòn

Email: mygiangson.sgu@gmail.com

Tóm tắt: Chất lượng đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó không thể không kể đến luận văn thạc sĩ. Kỹ năng nghiên cứu khoa học ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện luận văn của học viên. Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng kỹ năng nghiên cứu khoa học của học viên trong việc thực hiện luận văn thạc sĩ Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Sài Gòn, từ đó đề xuất một số biện pháp nâng cao kỹ năng nghiên cứu khoa học cho học viên cao học chuyên ngành Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Sài Gòn và các trường đại học khác có điều kiện tương tự, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo thạc sĩ Quản lý giáo dục hiện nay.

Từ khóa: Kỹ năng; nghiên cứu khoa học; học viên cao học; quản lý giáo dục; luận văn tốt nghiệp.

(Nhận bài ngày 16/12/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 10/02/2017; Duyệt đăng ngày 25/02/2017).

1. Đặt vấn đề

Trong sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (QLGD) đóng vai trò quan trọng. Một con đường cơ bản để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ QLGD là đào tạo và bồi dưỡng. Nhiều cơ sở giáo dục của Việt Nam (Học viện QLGD, các trường: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Vinh, Đại học Sư phạm Huế, Đại học Đồng Tháp, Đại học Sài Gòn,...) đang thực hiện nhiệm vụ này [1]. Thống kê của một số cơ sở giáo dục cho thấy, trong các loại hình đào tạo và bồi dưỡng cán bộ QLGD hiện nay, loại hình *đào tạo chính quy trình độ thạc sĩ QLGD* là loại hình đang thu hút sự tham gia của người học [2]. Trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, người học phải hoàn thành một luận văn với khối lượng tối thiểu 7 tín chỉ [3]. “Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hóa, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam”, “Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả lao động của chính tác giả, chưa được người khác công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào” [3].

Để thực hiện luận văn theo quy định, học viên (HV) cao học cần có kỹ năng (KN) nghiên cứu khoa học (NCKH). Mức độ KN NCKH của HV ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng luận văn thạc sĩ. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu về thực trạng KN NCKH của HV cao học chuyên ngành QLGD tại Trường Đại học Sài Gòn - một trong những cơ sở đào tạo thạc sĩ QLGD tại Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao KN NCKH cho HV trong việc thực hiện luận văn thạc sĩ QLGD tại Trường Đại học Sài Gòn và các trường đại học có điều kiện tương tự.

2. Mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu nhằm làm rõ thực trạng KN

NCKH của HV cao học chuyên ngành QLGD tại Trường Đại học Sài Gòn với các nội dung cụ thể sau đây: *Mức độ đạt được của HV đối với các nhóm KN NCKH (xác định vấn đề nghiên cứu; xây dựng đề cương nghiên cứu; nghiên cứu lý luận; nghiên cứu thực tiễn; xử lý và phân tích thông tin; hoàn tất đề tài, báo cáo và công bố kết quả)* và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành hệ thống KN này.

Nghiên cứu kết hợp phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và phương pháp thảo luận nhóm. *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi* dành cho 50 HV đã bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ QLGD tại Trường Đại học Sài Gòn trong năm 2016. HV được yêu cầu tự đánh giá về mức độ KN NCKH và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành các KN NCKH của bản thân theo thang điểm được quy ước như sau: 5 điểm - *tốt/ rất ảnh hưởng*; 4 điểm - *khá/ khá ảnh hưởng*; 3 điểm - *trung bình/ ảnh hưởng vừa phải*; 2 điểm - *yếu/ ít ảnh hưởng*; 1 điểm - *kém/ không ảnh hưởng*.

Điểm trung bình gồm các mức độ như sau: 1 điểm - 1,80 điểm: *kém/ không ảnh hưởng*; 1,81 điểm - 2,60 điểm: *yếu/ ít ảnh hưởng*; 2,61 điểm - 3,40 điểm: *trung bình/ ảnh hưởng vừa phải*; 3,41 điểm - 4,20 điểm: *khá/ khá ảnh hưởng*; 4,21 điểm - 5 điểm: *tốt/ rất ảnh hưởng*.

Phương pháp thảo luận nhóm được tiến hành để làm rõ hơn thông tin định lượng thu được từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi. Người nghiên cứu chọn ngẫu nhiên một nhóm 10 HV và một nhóm 7 giảng viên hướng dẫn (GVHD) luận văn thạc sĩ QLGD trong năm 2016 tại Trường Đại học Sài Gòn. Mỗi nhóm tham gia một cuộc thảo luận nhóm (TLN) trong vòng 60 phút.

3. Thực trạng các kỹ năng nghiên cứu khoa học

3.1. Nhóm kỹ năng xác định vấn đề nghiên cứu

Xác định đề tài nghiên cứu là một khâu quan trọng của việc nghiên cứu. Xác định đề tài nghiên cứu chính là tìm vấn đề làm đối tượng nghiên cứu [4]. Kết quả tự đánh

giá của 50 HV cao học chuyên ngành QLGD về nhóm KN xác định vấn đề nghiên cứu được trình bày trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Tự đánh giá của HV về nhóm KN xác định vấn đề nghiên cứu

TT	Nhóm KN xác định vấn đề nghiên cứu	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ
1	KN phát hiện và lựa chọn đề tài	3,98	1,05	1	Khá
2	KN đặt tên đề tài	3,26	1,50	2	TB

(Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn).

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy: KN phát hiện và lựa chọn đề tài được đánh giá ở mức độ “Khá” với ĐTB là 3,98. Qua TLN với HV, nhiều ý kiến đồng thuận với mức độ đánh giá này. HV phát hiện nhiều vấn đề nghiên cứu có tầm quan trọng về lí luận và gắn với thực tiễn công tác của bản thân nhưng vẫn gặp những khó khăn khi lựa chọn đề tài: “Tôi muốn lựa chọn đề tài gắn liền với công tác mà bản thân đang đảm nhiệm để tìm ra biện pháp làm tốt hơn công việc được giao, tuy nhiên lại lo lắng không tìm được nhiều tài liệu”, “đã có nhiều đề tài về cùng chủ đề nghiên cứu mà tôi quan tâm được công bố trên mạng internet nên tôi lo lắng bị trùng lặp” (TLN - HV).

Sau khi đã lựa chọn được vấn đề nghiên cứu, việc đặt tên đề tài sẽ chính xác hóa vấn đề nghiên cứu. KN đặt tên đề tài chỉ được HV đánh giá ở mức độ “Trung bình” với ĐTB là 3,26. Các thông tin từ TLN với GVHD khẳng định thêm kết quả này: “HV thường lúng túng khi đặt tên đề tài. Đề tài QLGD nhưng HV thường quên cụm từ “quản lí” nên dễ lạc sang đề tài giáo dục học. HV cũng thường đặt tên đề tài quá dài, có khi lại quá ngắn, thiếu xác định địa bàn nghiên cứu làm cho phạm vi của đề tài trở nên quá rộng và không xác định” (TLN-GVHD). Như vậy, việc rèn luyện KN đặt tên đề tài là rất cần thiết để góp phần nâng cao KN NCKH cho HV.

3.2. Nhóm kĩ năng xây dựng đề cương nghiên cứu

Xây dựng đề cương nghiên cứu là “một bước tối quan trọng trong việc thực hiện một nghiên cứu vì nó không chỉ buộc nhà nghiên cứu tư duy logic về cơ sở lí luận mà còn đòi hỏi sự tư duy thận trọng về mỗi bước của tiến trình thực hiện cuộc nghiên cứu” [5, tr. 71]. Kết quả tự đánh giá của 50 HV cao học chuyên ngành QLGD về nhóm KN xây dựng đề cương nghiên cứu được trình bày trong Bảng 2 dưới đây (Xem Bảng 2).

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, tất cả các KN thuộc nhóm KN xây dựng đề cương nghiên cứu đều được HV tự đánh giá ở mức độ “Khá”, trong đó, các KN được đánh giá ở thứ bậc cao nhất là KN xác định mục đích, xác định khách thể và đối tượng nghiên cứu (4 điểm).

KN xây dựng giả thuyết khoa học và KN lựa chọn cách tiếp cận nghiên cứu, xác định phạm vi nghiên cứu được đánh giá thấp hơn các KN khác. Kết quả TLN với GVHD và với HV cũng cho thấy sự nhất quán về mức độ đánh giá này:

“Các hạn chế thường gặp khi HV viết phần giả thuyết nghiên cứu là: diễn đạt dài dòng, không rõ nghĩa; giả thuyết không chứng minh được trong luận văn; hoặc ngược lại, giả thuyết quá hiển nhiên, không cần phải chứng minh gì nữa” (TLN-GVHD).

“Tôi thấy lúng túng khi xác định cách tiếp cận nghiên cứu theo chức năng quản lí, theo nội dung quản lí hay theo yếu tố của quá trình giáo dục. Để xác định cách tiếp cận nghiên cứu, tôi hỏi ý kiến của thầy hướng dẫn” (TLN-HV).

“HV biết xác định phạm vi nghiên cứu nhưng không đầy đủ, thường bỏ qua việc xác định chủ thể quản lí và thời gian mà đề tài tập trung nghiên cứu” (TLN-GVHD).

Như vậy, các KN nêu trên cần được tập trung rèn luyện cho HV để nâng cao hơn nữa chất lượng nhóm KN xây dựng đề cương nghiên cứu.

3.3. Nhóm kĩ năng nghiên cứu lí luận

Khảo sát tự đánh giá của 50 HV về nhóm KN nghiên cứu lí luận cho kết quả thể hiện trong Bảng 3.

Số liệu ở Bảng 3 cho thấy, nhóm KN nghiên cứu lí luận cũng được đánh giá ở mức độ “Khá”. Tuy nhiên, xem xét một cách cụ thể, các KN được đánh giá với mức độ không đồng đều. KN xác định và trình bày các khái niệm cơ bản của đề tài được đánh giá cao nhất (4,1 điểm), trong khi KN xác định và trình bày các vấn đề lí luận cơ bản của đề tài lại được đánh giá thấp nhất (3,74 điểm). Qua TLN với HV, nhiều ý kiến cho rằng: “Xuất phát từ tên đề tài, chúng tôi có thể xác định ngay các khái niệm cơ bản cần trình bày trong luận văn. Để làm rõ khái niệm, chúng

Bảng 2: Tự đánh giá của HV về nhóm KN xây dựng đề cương nghiên cứu

TT	Nhóm KN xây dựng đề cương nghiên cứu	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ
1	KN xác định mục đích nghiên cứu	4,00	0,85	1	Khá
2	KN xác định khách thể và đối tượng nghiên cứu	4,00	0,85	1	Khá
3	KN xây dựng giả thuyết khoa học	3,70	0,99	5	Khá
4	KN lựa chọn cách tiếp cận nghiên cứu và xác định phạm vi nghiên cứu	3,74	0,82	4	Khá
5	KN dự kiến nội dung nghiên cứu	3,86	0,92	2	Khá
6	KN lựa chọn phương pháp nghiên cứu	3,86	0,90	2	Khá
7	KN phân bổ kế hoạch thời gian nghiên cứu	3,84	0,91	3	Khá

Bảng 3: Tự đánh giá của HV về nhóm KN nghiên cứu lí luận

TT	Nhóm KN nghiên cứu lí luận	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ
1	KN tìm kiếm tài liệu	3,94	1,07	2	Khá
2	KN trình bày tổng quan và trích dẫn tài liệu	3,80	1,03	3	Khá
3	KN xác định và trình bày các khái niệm cơ bản của đề tài	4,10	0,88	1	Khá
4	KN xác định và trình bày các vấn đề lí luận cơ bản của đề tài	3,74	0,75	4	Khá



tôi tìm đọc từ điển hoặc tập trung tìm kiếm trong các tài liệu chuyên ngành. Tuy nhiên, xác định các vấn đề lí luận sẽ khó hơn, vì “không có sẵn” ở tên đề tài mà phải suy nghĩ, có khi phải đọc nhiều tài liệu mới phát hiện ra các vấn đề lí luận cần trình bày” (TLN-HV).

KN tìm kiếm tài liệu và KN trình bày tổng quan và trích dẫn tài liệu cũng chỉ được HV đánh giá ở mức độ “Khá”. Trong TLN, nhiều GVHD thống nhất với phát biểu sau: “HV có thể tìm kiếm tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau, không chỉ từ sách và tạp chí trong thư viện của nhà trường mà họ còn sử dụng mạng internet để tìm kiếm rất hiệu quả. Nhưng HV chưa biết cách viết phần tổng quan và trích dẫn. Họ thường chỉ liệt kê tên tác giả và tên tài liệu, chưa thể hiện quan điểm của bản thân, chưa chỉ ra được các khoảng trống trong lĩnh vực nghiên cứu... Nhiều tác giả và tài liệu được trích dẫn nhưng không có trong danh mục tài liệu tham khảo” (TLN-GVHD).

Các hạn chế nêu trên trong nhóm KN nghiên cứu lí luận của HV cần được chú ý khắc phục trong quá trình thực hiện luận văn.

3.4. Nhóm kĩ năng nghiên cứu thực tiễn

Kết quả khảo sát tự đánh giá của HV về nhóm KN nghiên cứu thực tiễn được trình bày trong Bảng 4 dưới đây:

Bảng 4: Tự đánh giá của HV về nhóm KN nghiên cứu thực tiễn

TT	Nhóm KN nghiên cứu thực tiễn	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ
1	KN chọn mẫu khảo sát	3,86	0,98	1	Khá
2	KN soạn thảo công cụ khảo sát (bảng hỏi, phỏng vấn...)	3,68	1,01	2	Khá

Từ số liệu ở Bảng 4, có thể thấy rằng HV tự đánh giá KN nghiên cứu thực tiễn ở mức “Khá”, nhưng ĐTB thấp hơn nhóm KN nghiên cứu lí luận. KN soạn thảo công cụ khảo sát (bảng hỏi, phỏng vấn...) được đánh giá thấp hơn KN chọn mẫu khảo sát. Hạn chế lớn nhất của HV khi soạn thảo bảng hỏi, bảng phỏng vấn là:

“Chúng tôi rất lúng túng trong việc xác định nội dung hỏi và cách đặt câu hỏi” (TLN-HV).

“Nội dung hỏi không bám sát cơ sở lí luận, hoặc quá sơ sài, hoặc quá nhiều câu hỏi nhưng lại không “khớp” với lí thuyết của đề tài. HV cũng lúng túng trong kĩ thuật đặt câu hỏi, không định trước cách xử lí số liệu định lượng, gây lúng túng trong xử lí số liệu sau khảo sát” (TLN-GVHD).

Như vậy, để nâng cao KN nghiên cứu thực tiễn cho HV trong thực hiện luận văn tốt nghiệp, cần chú trọng rèn luyện cho họ cách xác định nội dung hỏi và kĩ thuật đặt câu hỏi có định trước cách thống kê xử lí số liệu.

3.5. Nhóm kĩ năng xử lí và phân tích thông tin

Nhóm kĩ năng xử lí và phân tích thông tin sau khảo sát thực tiễn được HV đánh giá tương đối đồng đều (bảng 5). Vẫn không có KN nào được đánh giá ở mức độ “Tốt”. Tất cả 3 KN đều nằm trong mức độ “Khá”, trong đó, KN bình luận số liệu được đánh giá thấp nhất.

Qua TLN với HV, nguyên nhân dẫn đến việc đánh giá KN bình luận số liệu thấp hơn các KN khác là do: “Chúng tôi nghĩ rằng đã có bảng, biểu đồ trình bày số liệu một cách

Bảng 5: Tự đánh giá của HV về nhóm KN xử lí và phân tích thông tin

TT	Nhóm KN xử lí và phân tích thông tin	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ
1	KN xử lí số liệu thống kê	3,82	1,00	1	Khá
2	KN bình luận số liệu	3,78	0,88	2	Khá
3	KN sử dụng và bình luận thông tin định tính (kết quả phỏng vấn, nghiên cứu hồ sơ, quan sát,...)	3,82	0,94	1	Khá

rõ ràng nên không cần nhắc lại số liệu” (TLN-HV). KN bình luận số liệu là một KN quan trọng, ảnh hưởng đến mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân tích thực trạng của vấn đề nghiên cứu. Vì thế, KN này cũng cần được chú trọng rèn luyện cho HV trong quá trình thực hiện luận văn cao học.

3.6. Nhóm kĩ năng hoàn tất đề tài, báo cáo và công bố kết quả

Kết quả khảo sát tự đánh giá của HV về nhóm KN hoàn tất đề tài, báo cáo và công bố kết quả được trình bày trong Bảng 6 dưới đây:

Bảng 6: Tự đánh giá của HV về nhóm KN hoàn tất đề tài, báo cáo và công bố kết quả

TT	Nhóm KN hoàn tất đề tài, báo cáo và công bố kết quả	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ
1	KN hoàn tất đề tài và tóm tắt đề tài theo mẫu quy định	4,18	0,91	1	Khá
2	KN thuyết trình và bảo vệ đề tài	4,16	0,88	2	Khá
3	KN thực hiện bài báo khoa học từ kết quả nghiên cứu	3,20	1,03	3	TB

Số liệu trình bày trong bảng 6 cho thấy: KN hoàn tất đề tài và tóm tắt đề tài, KN thuyết trình và bảo vệ đề tài được đánh giá ở mức độ “Khá” với ĐTB khá cao. Điều này có thể lí giải rằng cơ sở đào tạo đã có quy định rõ ràng và cụ thể về hình thức của luận văn và tóm tắt luận văn, tạo điều kiện cho công đoạn hoàn thành và nộp sản phẩm hoàn chỉnh. HV cao học chuyên ngành QLGD đa số công tác trong ngành GD nên KN thuyết trình đề tài và trả lời câu hỏi trước hội đồng đánh giá luận văn cũng sẽ thuận lợi và dễ dàng.

KN thực hiện bài báo khoa học từ kết quả nghiên cứu đề tài chỉ được đánh giá ở mức “Trung bình” với ĐTB khá thấp (3,2 điểm). Qua TLN, HV cho biết: “Số lượng HV có thể đăng bài báo là rất hiếm do một số nguyên nhân, như: không biết cách viết một bài báo khoa học, không kịp thời gian, ngại viết, khó gửi đăng...” (TLN-HV). KN thực hiện bài báo khoa học từ kết quả nghiên cứu đề tài của HV chỉ có thể được nâng lên nếu GVHD tận tình chỉ dẫn và HV nỗ lực cố gắng.

3.7. Tổng hợp thứ bậc mức độ đạt được các kĩ năng nghiên cứu khoa học của học viên trong việc thực hiện luận văn

Kết quả khảo sát tự đánh giá mức độ đạt được của

HV đối với các KN NCKH trong thực hiện luận văn được tổng hợp ở Bảng 7, Bảng 8 dưới đây.

4. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành kĩ năng nghiên cứu khoa học của học viên

Khảo sát tự đánh giá của HV cao học chuyên ngành QLGD tại Trường Đại học Sài Gòn về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành các KN NCKH của HV cho kết quả trình bày ở Bảng 9 dưới đây (Xem Bảng 9).

Trong 9 yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành KN NCKH của HV cao học chuyên ngành QLGD được đưa ra khảo sát, 4 yếu tố đầu là các yếu tố chủ quan thuộc về bản thân HV, 5 yếu tố còn lại là các yếu tố khách quan - những tác động bên ngoài thuộc về chương trình đào tạo toàn khóa, môn học “Phương pháp NCKH QLGD”, GVHD, cơ sở đào tạo. Kết quả ghi nhận ở Bảng 9 cho thấy: có 8 yếu tố được HV đánh giá ở mức độ “Rất ảnh hưởng”, chỉ có 1 yếu tố về quy định của cơ sở đào tạo được đánh giá ở mức độ “Khả ảnh hưởng”. Yếu tố được đánh giá có ảnh hưởng nhất đến sự hình thành KN NCKH của HV là yếu tố chủ quan Sự nỗ lực cố gắng của bản thân HV (với ĐTB đạt mức gần như tuyệt đối: 4,8/5đ).

Trong số các yếu tố khách quan, đáng lưu ý là yếu tố Kiến thức và KN NCKH được trang bị trong môn học “Phương pháp NCKH QLGD” và yếu tố Năng lực của GVHD có mức độ ảnh hưởng cao nhất, với ĐTB đạt mức rất cao (4,68 đ và 4,64đ). Qua TLN với HV, nhiều ý kiến tán thành mức độ đánh giá này: “Môn học Phương pháp NCKH QLGD cung cấp cho HV những kiến thức và KN NCKH cụ thể, sát với chuyên ngành đào tạo. Những lí thuyết này sẽ được hiện thực hóa trong quá trình GVHD làm việc với HV qua từng giai đoạn nghiên cứu. HV nào may mắn được GVHD có năng lực, kinh nghiệm và tận tâm thì KN NCKH được phát triển đáng kể. Tuy nhiên, sự nỗ lực của HV vẫn là yếu tố quan trọng nhất” (TLN-HV).

5. Kết luận

Đào tạo thạc sĩ QLGD là con đường cơ bản để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ QLGD phục vụ đổi mới giáo dục và QLGD hiện nay. Chất lượng đào tạo thạc sĩ QLGD phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó có một yếu tố quan trọng đó là chất lượng thực hiện luận văn tốt nghiệp. Chất lượng thực hiện luận văn tốt nghiệp lại chịu sự ảnh hưởng, chi phối trực tiếp bởi hệ thống KN NCKH của HV.

Kết quả nghiên cứu định lượng và định tính về KN NCKH của HV trong thực hiện luận văn chuyên ngành QLGD tại Trường Đại học Sài Gòn trong năm 2016 cho thấy: không có KN nào đạt được ở mức độ “Tốt”, 19 KN đạt mức độ “Khá” và 2 KN đạt mức độ “Trung bình”; trong số các yếu tố chủ quan ảnh hưởng đến sự hình thành KN NCKH của HV, yếu tố Sự nỗ lực cố gắng của HV có mức độ ảnh hưởng cao nhất; và trong số các yếu tố khách

Bảng 7: Xếp thứ bậc mức độ đạt được các KN NCKH của HV

Mức độ	Kĩ năng	Thứ bậc	
Các KN được đánh giá ở mức độ tốt	Không có kĩ năng nào		
Các KN được đánh giá ở mức độ khá	KN hoàn tất đề tài và tóm tắt đề tài theo mẫu quy định	1	
	KN thuyết trình và bảo vệ đề tài	2	
	KN xác định và trình bày các khái niệm cơ bản của đề tài	3	
	KN xác định mục đích nghiên cứu	4	
	KN xác định khách thể và đối tượng nghiên cứu	4	
	KN phát hiện và lựa chọn đề tài	6	
	KN tìm kiếm tài liệu	7	
	KN dự kiến nội dung nghiên cứu	8	
	KN lựa chọn phương pháp nghiên cứu	8	
	KN chọn mẫu khảo sát	8	
	KN phân bổ kế hoạch thời gian nghiên cứu	11	
	KN xử lí số liệu thống kê	12	
	KN sử dụng và bình luận thông tin định tính	13	
	KN trình bày tổng quan và trích dẫn tài liệu	14	
	KN bình luận số liệu	15	
	KN lựa chọn cách tiếp cận phân tích và xác định phạm vi nghiên cứu	16	
	KN xác định và trình bày các vấn đề lí luận cơ bản của đề tài	16	
	KN xây dựng giả thuyết khoa học	18	
	KN soạn thảo công cụ khảo sát (bảng hỏi, phỏng vấn...)	19	
	Các KN được đánh giá ở mức độ trung bình	KN đặt tên đề tài	20
		KN thực hiện bài báo khoa học từ kết quả nghiên cứu đề tài	21

Bảng 8: Xếp thứ bậc mức độ đạt được các nhóm KN NCKH của HV

Nhóm KN	ĐTB chung	Thứ bậc
Nhóm KN nghiên cứu lí luận	3,89	1
Nhóm KN xây dựng đề cương nghiên cứu	3,85	2
Nhóm KN hoàn tất đề tài, báo cáo và công bố kết quả	3,85	2
Nhóm KN xử lí và phân tích thông tin	3,80	4
Nhóm KN nghiên cứu thực tiễn	3,77	5
Nhóm KN xác định vấn đề nghiên cứu	3,62	6



Bảng 9: Đánh giá của HV về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành KN NCKH

TT	Các yếu tố	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc	Mức độ ảnh hưởng
1	Sự nỗ lực cố gắng của bản thân học viên	4,80	0,75	1	Rất ảnh hưởng
2	Sự hứng thú, say mê của bản thân học viên đối với đề tài nghiên cứu	4,60	0,85	4	Rất ảnh hưởng
3	Vốn kiến thức của bản thân học viên về lĩnh vực nghiên cứu	4,46	0,81	6	Rất ảnh hưởng
4	Vốn kinh nghiệm của bản thân học viên về lĩnh vực nghiên cứu	4,28	0,90	8	Rất ảnh hưởng
5	Kiến thức và KN học tập và nghiên cứu được trang bị trong toàn bộ khóa đào tạo cao học	4,40	0,85	7	Rất ảnh hưởng
6	Kiến thức và KN NCKH được trang bị trong môn học “Phương pháp NCKH QLGD”	4,68	0,79	2	Rất ảnh hưởng
7	Năng lực của giảng viên hướng dẫn	4,64	0,82	3	Rất ảnh hưởng
8	Sự tận tâm của giảng viên hướng dẫn	4,58	0,85	5	Rất ảnh hưởng
9	Các quy định của cơ sở đào tạo	4,00	1,01	9	Khả ảnh hưởng

quan ảnh hưởng đến sự hình thành KN NCKH của HV, 2 yếu tố Kiến thức và KN NCKH được trang bị trong môn học “Phương pháp NCKH QLGD” và Năng lực của GVHD có mức độ ảnh hưởng cao nhất.

Từ kết quả nghiên cứu trên, có thể đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao KN NCKH cho HV như sau: 1/ Tăng cường chất lượng dạy học môn học “Phương pháp NCKH QLGD” (dành thời lượng đáng kể; phân công giảng viên giảng dạy có năng lực, kinh nghiệm và đúng chuyên ngành đào tạo); 2/ Chú trọng phân công GVHD có đủ năng lực và tận tâm hướng dẫn HV thực hiện luận văn; 3/ Chú trọng rèn luyện 6 nhóm KN NCKH cho HV, trong đó, tăng cường rèn luyện nhóm KN xác định vấn đề nghiên cứu, nhóm KN nghiên cứu thực tiễn và nhóm KN xử lý và phân tích thông tin. Các KN cụ thể cần tăng cường rèn luyện cho HV là: KN đặt tên đề tài nghiên cứu; KN xây dựng giả thuyết khoa học; KN lựa chọn cách tiếp cận nghiên cứu và xác định phạm vi nghiên cứu; KN trình bày tổng quan và trích dẫn tài liệu; KN xác định và trình bày các vấn đề lí luận cơ bản của đề tài; KN soạn thảo công cụ khảo sát; KN bình luận số liệu; KN thực hiện bài

báo khoa học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. My Giang Sơn, (2016), *Lựa chọn đề tài và cách tiếp cận nghiên cứu trong nghiên cứu khoa học Quản lí Giáo dục*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 125, tháng 2 năm 2016, tr.27.

[2]. Nguyễn Xuân Thúc, (2015), *10 năm - một chặng đường có ý nghĩa trong hoạt động đào tạo của Khoa Quản lí Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, Kì yếu hội thảo khoa học “Đào tạo cán bộ quản lí giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục”, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2014), *Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ* (ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

[4]. Phạm Việt Vượng, (2004), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[5]. Trần Văn Đạt, Võ Văn Thắng (đồng chủ biên), (2015), *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

STUDENTS’ SCIENTIFIC RESEARCH SKILL IN MANAGEMENT EDUCATION MAJOR IN IMPLEMENTING MASTER THESIS AT SAIGON UNIVERSITY

My Giang Son
Saigon University
Email: mygiangson.sgu@gmail.com

Abstract: Training quality of Master of Education Management depends on many factors, including master thesis. Scientific research skill directly affects the performance of theses. The article presented research findings on status of students’ scientific research skill in the implementation of master thesis in Management Education major at Saigon University, then proposed measures to improve students’ research skill in Management Education major at Saigon University and other universities with similar conditions, contributed to improving training quality for master degree of Education Management today.

Keywords: Skill; scientific research; students; education management; thesis.